

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 08/06/2017

PANTONE 217C



PANTONE 259C

Tránh xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

SDK (Reg. No) :
SỐ LÔ SX (Lot No) :
NSX (Mfg. Date) :
HĐ (Exp. Date) :

Nhà sản xuất :
 **DAEWOONG**
PHARMACEUTICAL CO., LTD.
35-14, Jeyakgongdan 4-gil, Hyangnam-eup,
Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc
Nhà nhập khẩu :

HemoQ mom 
Prevention and treatment of Iron Deficiency Anemia

30 Caps.

HemoQ mom 

[THÀNH PHẦN] Mỗi nang có chứa:
Polysaccharid Iron complex 326,1 mg
(Tương đương sắt (Fe) 150 mg).
0,1% Cyanocobalamin 25 mg
(Tương đương Cyanocobalamin 25µg)
Acid folic 1 mg
[DẠNG BẢO CHẾ] Viên nang cứng

[CHỈ ĐỊNH, LIỀU DÙNG & CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH,
THẬN TRỌNG, TÁC DỤNG PHỤ VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC]
Xin xem tờ hướng dẫn sử dụng.
[BÓNG GỖ] 10 viên nang x 3 vỉ/hộp.
[BẢO QUẢN] Bảo quản trong bao bì kín ở nhiệt độ dưới 30°C
[TIÊU CHUẨN] Tiêu chuẩn nhà sản xuất.

HemoQ mom 
Treatment of Iron Deficiency Anemia

30 Caps.

204267



LOT :	EXP :
 HemoQ mom Polysaccharide iron complex 326.1 mg (As Fe 150 mg) 25 mg 0.1% Cyanocobalamin 1 mg (As Cyanocobalamin 25 µg) Folic acid DAEWOONG KOREA PHARMACEUTICAL CO., LTD	 HemoQ mom Polysaccharide iron complex 326.1 mg (As Fe 150 mg) 25 mg 0.1% Cyanocobalamin 1 mg (As Cyanocobalamin 25 µg) Folic acid DAEWOONG KOREA PHARMACEUTICAL CO., LTD
 HemoQ mom Polysaccharide iron complex 326.1 mg (As Fe 150 mg) 25 mg 0.1% Cyanocobalamin 1 mg (As Cyanocobalamin 25 µg) Folic acid DAEWOONG KOREA PHARMACEUTICAL CO., LTD	 HemoQ mom Polysaccharide iron complex 326.1 mg (As Fe 150 mg) 25 mg 0.1% Cyanocobalamin 1 mg (As Cyanocobalamin 25 µg) Folic acid DAEWOONG KOREA PHARMACEUTICAL CO., LTD
 HemoQ mom Polysaccharide iron complex 326.1 mg (As Fe 150 mg) 25 mg 0.1% Cyanocobalamin 1 mg (As Cyanocobalamin 25 µg) Folic acid DAEWOONG KOREA PHARMACEUTICAL CO., LTD	 HemoQ mom Polysaccharide iron complex 326.1 mg (As Fe 150 mg) 25 mg 0.1% Cyanocobalamin 1 mg (As Cyanocobalamin 25 µg) Folic acid DAEWOONG KOREA PHARMACEUTICAL CO., LTD
 HemoQ mom Polysaccharide iron complex 326.1 mg (As Fe 150 mg) 25 mg 0.1% Cyanocobalamin 1 mg (As Cyanocobalamin 25 µg) Folic acid DAEWOONG KOREA PHARMACEUTICAL CO., LTD	 HemoQ mom Polysaccharide iron complex 326.1 mg (As Fe 150 mg) 25 mg 0.1% Cyanocobalamin 1 mg (As Cyanocobalamin 25 µg) Folic acid DAEWOONG KOREA PHARMACEUTICAL CO., LTD
 HemoQ mom Polysaccharide iron complex 326.1 mg (As Fe 150 mg) 25 mg 0.1% Cyanocobalamin 1 mg (As Cyanocobalamin 25 µg) Folic acid DAEWOONG KOREA PHARMACEUTICAL CO., LTD	 HemoQ mom Polysaccharide iron complex 326.1 mg (As Fe 150 mg) 25 mg 0.1% Cyanocobalamin 1 mg (As Cyanocobalamin 25 µg) Folic acid DAEWOONG KOREA PHARMACEUTICAL CO., LTD

Handwritten signature





Viên nang

HemoQ mom

[THÀNH PHẦN]

Polysaccharide Iron complex 326,1mg

(Tương đương Fe 150mg)

0,1% Cyanocobalamin 25mg

(Tương đương Cyanocobalamin 25µg)

Acid folic 1mg

Tá dược: Lactose, Light anhydrous silicic acid, Povidon, Croscarmellose sodium, Magnesi stearat, Talc.

[MÔ TẢ]

Viên nang cứng cỡ số 1, màu đỏ, có in chữ "HMQ" trên nắp nang và "D.W" trên thân nang hoặc ngược lại. Bên trong chứa bột màu nâu đen.

[CHỈ ĐỊNH]

Phòng ngừa và điều trị thiếu máu do thiếu sắt ở nữ tuổi sinh sản, thai phụ, bà mẹ sau khi sinh, thiếu dinh dưỡng, sau mổ, giai đoạn hồi phục sau bệnh nặng...

[LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG]

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:

- Liều phòng ngừa: 1 viên / lần / ngày

- Liều điều trị: 1 viên / 1 - 2 lần / ngày

Trẻ em 6-12 tuổi: theo chỉ định của bác sĩ

Thời gian dùng thuốc 2-3 tháng hoặc kéo dài đến 6 tháng tùy từng trường hợp

[CHỐNG CHỈ ĐỊNH]

- Bệnh nhân mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

- Trẻ em dưới 6 tuổi

- Bệnh nhân mắc chứng nhiễm sắc tố sắt (tình trạng ứ đọng sắt trong gan và tụy do rối loạn chuyển hoá sắt, bệnh nhân nhiễm hemosiderin và thiếu máu tan huyết).

- Bệnh nhân thiếu máu không do thiếu sắt (như thiếu máu hồng cầu khổng lồ do thiếu vitamin B12).

- Bệnh nhân hẹp thực quản, túi cùng đường tiêu hóa
- Bệnh nhân u ác tính, do vitamin B12 làm tăng trưởng các mô có tốc độ tăng trưởng cao nên có nguy cơ làm u tiến triển

[THẬN TRỌNG]

Thận trọng chung:

- Tuân theo chỉ định liều dùng, cách dùng.

- Ngưng dùng thuốc và hỏi ý kiến bác sĩ nếu tình trạng bệnh không được cải thiện sau 1 tháng dùng thuốc.

Các bệnh nhân sau đây cần tham vấn ý kiến bác sĩ hoặc được si trước khi dùng thuốc này:

- Bệnh nhân rối loạn tiêu hoá như ung thư dạ dày-tá tràng, viêm ruột kết mạn tính...

- Bệnh nhân suy giảm chức năng tim mạch.

- Bệnh nhân rối loạn chức năng thận.

- Bệnh nhân giảm protein huyết.

- Bệnh nhân đang dùng thuốc kháng aldosteron, triamteren (do có thể xảy ra tình trạng tăng kali huyết)

Cảnh báo:

- Quá liều ở trẻ em dưới 6 tuổi có thể gây chết do ngộ độc. Trong trường hợp quá liều, nhanh chóng đưa bệnh nhân đến trung tâm cấp cứu gần nhất.

- Thuốc có chứa lactose, bệnh nhân mắc các bệnh di truyền hiếm gặp không dung nạp galactose, thiếu men Lapp lactase hoặc kém hấp thu glucose-galactose không nên dùng thuốc này.

[SỬ DỤNG CHO PHỤ NỮ CÓ THAI, PHỤ NỮ CHO CON BÚ]

Có thể dùng viên HemoQ mom trong thời kỳ mang thai cũng như giai đoạn cho con bú. Có một vài biểu hiện bất thường về tiêu hoá nhưng không đáng kể. Có thể ngừng thuốc một thời gian rất ngắn để điều chỉnh rồi dùng tiếp.

[TƯƠNG TÁC THUỐC]

- Tránh dùng phối hợp với ofloxacin, ciprofloxacin, norfloxacin

- Uống đồng thời với các thuốc kháng acid như calci carbonat, natri carbonat, magnesii trisilicat hoặc với nước chè có thể làm giảm hấp thu sắt

- Sắt có thể chelat hóa với các tetracyclin và làm giảm hấp thu của cả hai loại thuốc

- Sắt có thể làm giảm hấp thu của penicilamin, carbidopa/levodopa, methylodopa, các quinolon, các hormon tuyến giáp và các muối kẽm.

- Hấp thu vitamin B12 từ đường tiêu hóa có thể bị giảm khi dùng cùng neomycin, acid aminosalicylic, các thuốc kháng thụ thể histamin H2 và colchicin

- Nồng độ vitamin B12 trong huyết thanh có thể bị giảm khi dùng đồng thời với thuốc tránh thai đường uống.

- Chloramphenicol dùng ngoài tiêu hóa có thể làm giảm tác dụng của vitamin B12 trong bệnh thiếu máu

[TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN]

- Các triệu chứng dị ứng như ban đỏ, ngứa, khó chịu toàn thân, khó thở.

- Dị ứng da, ngứa, dị ứng da do ánh sáng mặt trời.

- Đau bụng, đau dạ dày.

- Ôi mửa, tiêu chảy.

- Sốt hỗn mê

- Buồn nôn, chán ăn, giảm cân, đau bụng, táo bón, phân màu đen, lo âu.

* **Thông báo cho bác sĩ bất kỳ tác dụng ngoại ý nào xảy ra khi dùng thuốc này**

[QUÁ LIỀU]

Liều gây chết do ngộ độc sắt dao động khoảng 200 – 250mg/kg.

Triệu chứng: đau bụng, buồn nôn, nôn, tiêu chảy kèm ra máu, mất nước, nhiễm acid và sốc kèm ngủ gà. Lúc này có một giai đoạn tưởng như đã bình phục, không có triệu chứng gì, nhưng sau khoảng 6-24 giờ, các triệu chứng lại xuất hiện trở lại với các bệnh đông máu và suy tim mạch (suy tim do thương tổn cơ tim). Một số biểu hiện như: sốt cao, giảm glucose huyết, nhiễm độc gan, suy thận, cơn co giật, hôn mê. Dễ có nguy cơ thủng ruột nếu uống liều cao. Trong giai đoạn hồi phục có thể có xơ gan, hẹp môn vị. Cũng có thể bị nhiễm khuẩn huyết do *Yersinia enterocolica*.

Xử trí:

Trước tiên, rửa dạ dày ngay bằng sữa (hoặc dung dịch carbonat).

Sau khi rửa dạ dày, bơm dung dịch deferoxamin (5-10g deferoxamin hòa tan trong 50-100ml nước) vào dạ dày qua ống thông.

Trong trường hợp lượng sắt dùng trên 60mg/kg thể trọng, hoặc khi có triệu chứng nặng, đầu tiên phải cho deferoxamin tiêm truyền tĩnh mạch. Liều tiêm truyền tĩnh mạch 15mg/kg/giờ đến khi hết triệu chứng. Nếu cần nâng cao huyết áp, nên dùng dopamin. Thẩm phân nếu có suy thận. Điều chỉnh cân bằng acid base và điện giải, đồng thời bù nước.

[ĐẶC TÍNH ĐƯỢC LỰC HỌC]

Sắt là một thành phần quan trọng của hồng cầu. Nếu cơ thể thiếu sắt trong thời gian dài hoặc hấp thụ sắt với một lượng quá ít sẽ sinh ra thiếu sắt trong máu.

Cyanocobalamin (Vitamin B12): Hai dạng vitamin B12, Cyanocobalamin và Hydroxycobalamin đều có tác dụng tạo máu. Trong cơ thể người, các cobalamin này tạo thành các coenzym hoạt động là methylcobalamin và 5-deoxyadenosylcobalamin rất cần thiết cho tế bào sao chép và tăng trưởng. Methyl cobalamin rất cần để tạo methionin và dẫn chất là S-adenosylmethionin từ homocystein. Vitamin B12 rất cần thiết cho tất cả các mô có tốc độ sinh trưởng tế bào mạnh như mô tạo máu, ruột non, tử cung. Thiếu vitamin B12 cũng gây hủy myelin sợi thần kinh.

Acid folic: acid folic ảnh hưởng lên tổng hợp nucleoprotein và tạo hồng cầu bình thường, thiếu acid folic gây thiếu máu nguyên hồng cầu khổng lồ giống như thiếu máu do thiếu vitamin B12.

[ĐẶC TÍNH ĐƯỢC ĐỘNG HỌC]

Sắt: Bình thường, sắt được hấp thu ở tá tràng và đầu gần hồng tràng. Một người bình thường không thiếu sắt hấp thu khoảng 0,5-1mg sắt nguyên tố hàng ngày. Hấp thu sắt toàn bộ tăng tới 1-2mg/ngày ở phụ nữ

hành kinh bình thường và có thể tăng 3-4mg/ngày ở người mang thai. Hấp thu sắt bị giảm khi có các chất chelat hóa hoặc các chất tạo phức trong ruột và tăng khi có HCl và vitamin C. Do vậy, đôi khi dùng phối hợp viên sắt và vitamin C.

Sắt được dự trữ trong cơ thể dưới 2 dạng: Ferritin và hemosiderin, khoảng 90% sắt đưa vào cơ thể được thải qua phân.

Hấp thu sắt phụ thuộc vào số lượng sắt dự trữ, nhất là Ferritin ở niêm mạc ruột và vào tốc độ tạo hồng cầu của cơ thể.

Cyanocobalamin (Vitamin B12): Sau khi uống, vitamin B12 được hấp thu qua ruột, chủ yếu ở hồi tràng theo 2 cơ chế: cơ chế thụ động sau khi dùng lượng nhiều; và cơ chế tích cực, cho phép hấp thu những liều lượng sinh lý, nhưng cần phải có yếu tố nội tại là glycoprotein do tế bào thành niêm mạc dạ dày tiết ra. Mức độ hấp thu khoảng 1% không phụ thuộc vào liều và do đó ngày uống 1mg sẽ thỏa mãn nhu cầu hàng ngày và đủ để điều trị tất cả các dạng thiếu vitamin B12. Sau khi hấp thu, vitamin B12 liên kết với transcobalamin II và được loại nhanh khỏi huyết tương để phân bố nhanh vào nhu mô gan. Gan chính là kho dự trữ vitamin B12 cho các mô khác. Khoảng 3 g cobalamin thải trừ vào mật mỗi ngày, trong đó, 50-60% là các dẫn chất của cobalamin không tái hấp thu lại được. Hydroxycobalamin được hấp thu qua đường tiêu hóa tốt hơn và có ái lực với các mô lớn hơn cyanocobalamin.

Acid folic: Thuốc giải phóng nhanh ở dạ dày và hấp thu chủ yếu ở đoạn đầu ruột non. Acid folic trong chế độ ăn bình thường được phân bố ở các mô trong cơ thể. Thuốc được tích trữ chủ yếu ở gan và được tập trung tích cực trong dịch não tủy. Mỗi ngày khoảng 4-5g đào thải qua nước tiểu. Uống acid folic liều cao làm tăng vitamin đào thải qua nước tiểu tăng theo tỷ lệ thuận. Acid folic đi qua nhau thai và có ở trong sữa mẹ.

[ĐONG GỖ] 10 viên x 3 vi/hộp

[BẢO QUẢN] Bảo quản trong bao bì kín ở nhiệt độ dưới 30°C

[HẠN DÙNG] 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

[TIÊU CHUẨN] Nhà sản xuất.

*"Tránh xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ"*

Nhà sản xuất:
DAEWONG PHARMACEUTICAL CO., LTD.
35-14, Jeyakongdan 4-gil, Hyangnam-eup,
Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc